

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 440/2019/DSST

Ngày: 31/7/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Hồng Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Kim Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn:*** Bà Hà Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 301/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2019/QĐXXST-DS ngày 19/6/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 137/2019/QĐST-DS ngày 10/7/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.G.T.T

Trụ sở: Lầu 8, 266-268 N.K.K.N, Phường 8, Quận 3, Tp. HCM.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông L.N.M, sinh năm 1970. Địa chỉ: 11/5/15 KP2A phường Đ H Thuận, Quận 12, Tp. HCM. Là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 02/01/2019. (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông N M C, sinh năm 1971. Thường trú: 122/1A Ấp T C 1, xã T C, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ô L.N.M trình bày:

Ngày 19/05/2008, Ông C có ký với N.H.TMCP S.G.T.T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Ông C, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-0383 với hạn mức sử dụng là 15,000,000 đồng. Sau một thời gian sử dụng, đến ngày 06/01/2010 Ông C đã đăng ký thêm thẻ Visa Parkson 464932-7656 với hạn mức sử dụng chung là 15,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 136,481,560 đồng (trong đó thẻ Visa Credit Classic 472074-0383 là 114,036,560 đồng và thẻ Visa Parkson 464932-7656 là 22,445,000 đồng)

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 137,759,000 đồng (trong đó thẻ Visa Credit Classic 472074-0383 là 117,740,000 đồng và thẻ Visa Parkson 464932-7656 là 20,019,000 đồng). (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), sau đó Ông C không thanh toán nữa.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Ông C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Ông C (cụ thể thẻ Visa Credit Classic 472074-0383 vào ngày 26/03/2013 và thẻ Visa Parkson 464932-7656 vào ngày 01/04/2013) và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 31/7/2019 Ông C còn nợ tổng số tiền 53.696.230 đồng cụ thể như sau:

Thẻ 464932-7656 nợ 20.177.756 đồng, Trong đó nợ gốc: 5.776.766 đồng, lãi quá hạn 14.400.990 đồng.

Thẻ 472074-0383 nợ 33.518.474 đồng. Trong đó nợ gốc 9.613.619 đồng, lãi quá hạn 23.904.855 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với Ông C, yêu cầu Ông C có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để Ông C trả nợ, tuy nhiên Ông C vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, N.H.TMCP S.G.T.T kính đề nghị Quý Tòa giải quyết:

Buộc Ông N.M.C phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền 2 thẻ tín dụng 464932-7656 và 472074-0383 tạm tính đến ngày 31/7/2019 tổng số tiền 53.696.230 đồng trong đó: Nợ gốc: 15.390.385 đồng; Lãi quá hạn: 38.305.845 đồng.

Ông N.M.C có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/8/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa cho Ông C nhưng Ông C vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn xét thấy Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phần nội dung: Xét yêu cầu của N.H.TMCP S.G.T.T là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Theo biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tại Công An xã T C, huyện Hóc Môn. Bị đơn trong vụ án là Ông N.M.C có hộ

khẩu thường trú tại địa chỉ 122/1A Ấp T.C1, xã T. C, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh và có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ trên. Căn cứ theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ô L.N.M có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/6/2019. Bị đơn Ông N.M.C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng Ông C vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 25/6/2008, giấy đăng ký phát hành thẻ Parkson ngày 06/01/2010 ký giữa Ông N.M.C với N.H.TMCP S.G.T.T xác định quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng và Ông C là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Xét yêu cầu của N.H.TMCP S.G.T.T. Nhận thấy Ông C có ký các hợp đồng trên với Ngân hàng. Ông C đã sử dụng các thẻ trên, rút và nhận đủ tiền để sử dụng, trong quá trình sử dụng đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 137,759,000 đồng. Điều này cho thấy thực sự có việc ký kết hợp đồng và việc giao nhận tiền giữa Ông C và Ngân hàng.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ Luật Tố tụng dân sự: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Quá trình giải quyết vụ án, Ông C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án, điều này chứng tỏ Ông C không có thiện chí, không tích cực khắc phục hậu quả gây thiệt hại đến quyền lợi chính đáng của nguyên đơn, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tiền.

Ông C đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ lời khai của Ngân hàng quy định tại Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Vì vậy, theo quy định tại Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu về tính tiền lãi của Nguyên đơn do các bên tự thỏa thuận lãi suất nên căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, yêu cầu tính lãi này của nguyên đơn được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên không chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S.G.T.T

Buộc Ông N.M.C phải trả tổng số tiền nợ hai thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-0383 và thẻ Visa Parkson 464932-7656 tạm tính đến ngày 31/7/2019 tổng số tiền 53.696.230 đồng, trong đó: Nợ gốc: 15.390.385 đồng; Lãi quá hạn: 38.305.845 đồng. Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2019 theo mức lãi suất nợ quá hạn trong hợp đồng tín dụng đã được ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông N.M.C phải chịu là 2.684.812 đồng;

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S.G.T.T số tiền 1.197.223 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003792 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Hóc Môn;
- Chi cục THADS H. Hóc Môn;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trịnh Hồng Hải**